1 At the park

…for children, by Thuy Ngo LSE with

4. Bé có biết những trang phục này không? Bé ấn vào và nói các từ này nhé.

coat /kəʊt/ 	sweater /ˈswetə(r)/ 	scarf /skɑ:f/ 	socks /sɒks/ 	jacket /ˈdʒækɪt/ 
trousers /ˈtraʊzəz/ 	shoes /ʃu:z/ 	T-shirt /ˈti: ʃɜ:t/ 	glasses /ˈglɑ:sɪz/ 	swimsuit /ˈswɪmsu:t/ 

5. Bé có biết tên gọi của các sắc màu này không? Bé ấn vào và nói để giúp máy viết chính tả nhé.



red /red/	orange /ˈɒrɪndʒ/	yellow /ˈjeləʊ/	green /gri:n/
blue /blu:/	indigo /ˈɪndɪgəʊ/	violet /ˈvaɪələt/	purple /ˈpɜ:pl/
pink /pɪŋk/	black /blæk/	brown /braʊn/	grey /greɪ/
beige /beɪʒ/	white /waɪt/	silver /ˈsɪlvə(r)/	gold /gəʊld/

LIVEWORKSHEETS